FireAnt

CTCP Hưng Thịnh Incons (HSX: HTN)

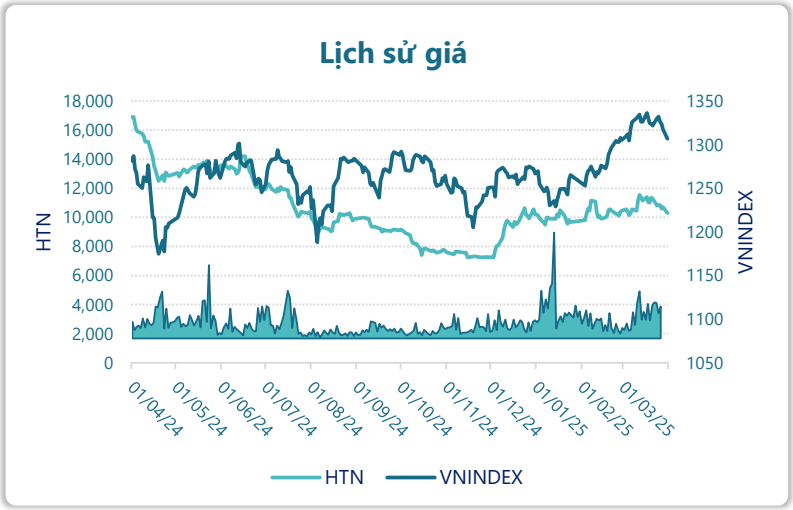

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,250
SL cổ phiếu LH	89,116,411
KLGD BQ 20 phiên (CP)	809,785
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	918
P/E	25.9
EPS	398

DT thuần

Q1/25

230

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 96.0| 71.3%

YoY: ▼233| -50.4%

LN sau thuế

Q1/25

27.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.4| 454%

YoY: ▲ 17.0| 165%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

23.9%

+/- YoY: ▲ 12.6%

DT thuần

2024

1,140

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,541| -57.5%

LN sau thuế

2024

25.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼34.7| -57.5%

ROE

2024

1.7%

+/- YoY: ▼ 2.4%

Kết quả kinh doanh

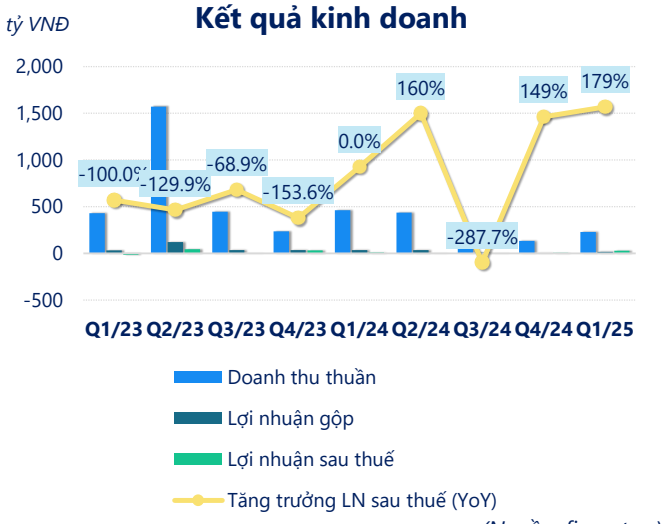

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

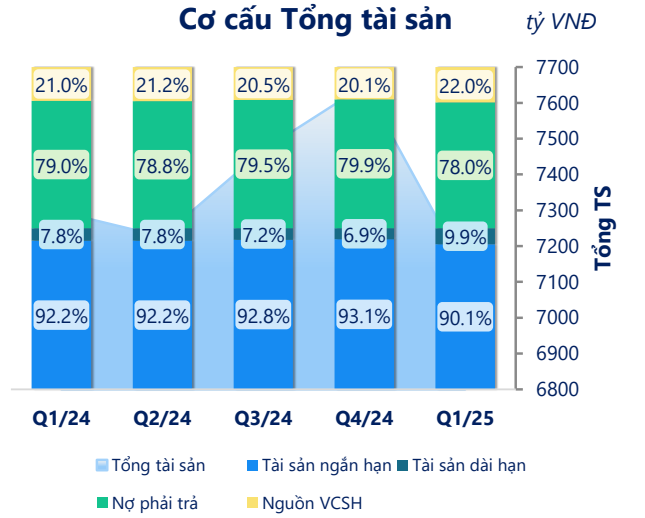

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

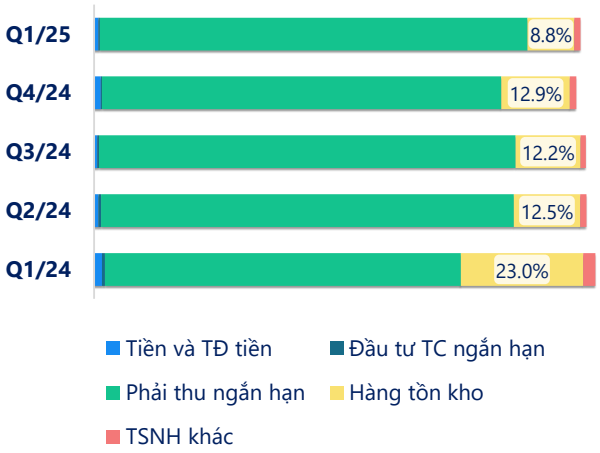

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

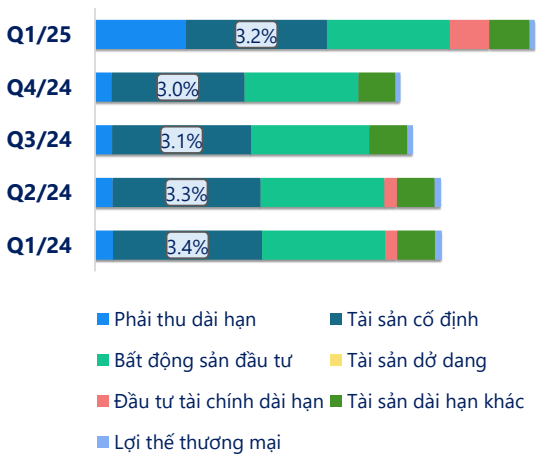

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

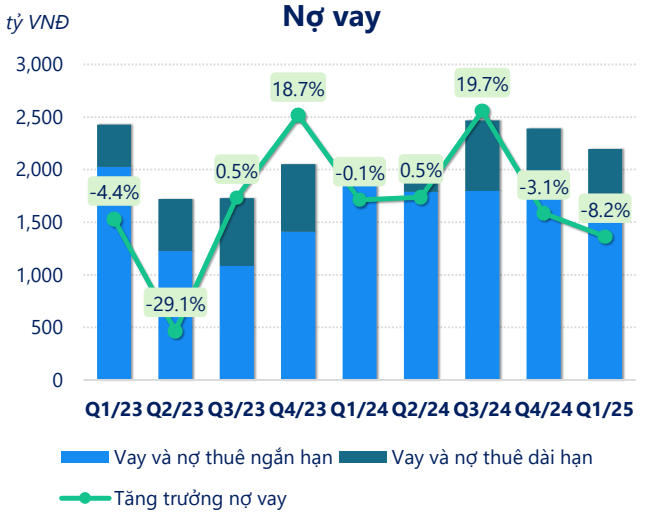

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

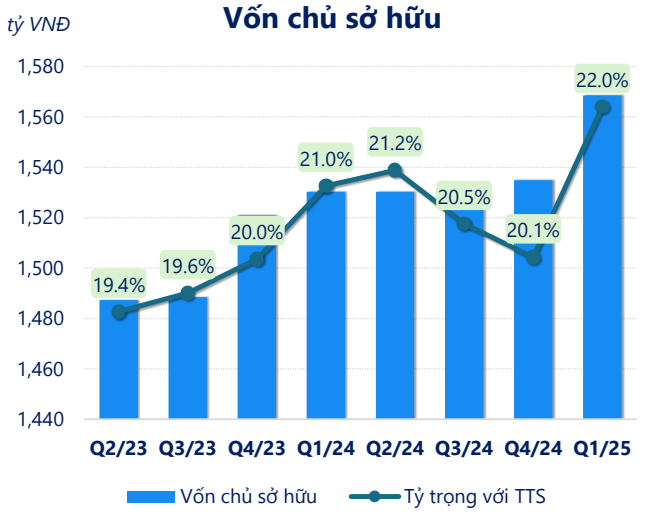

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

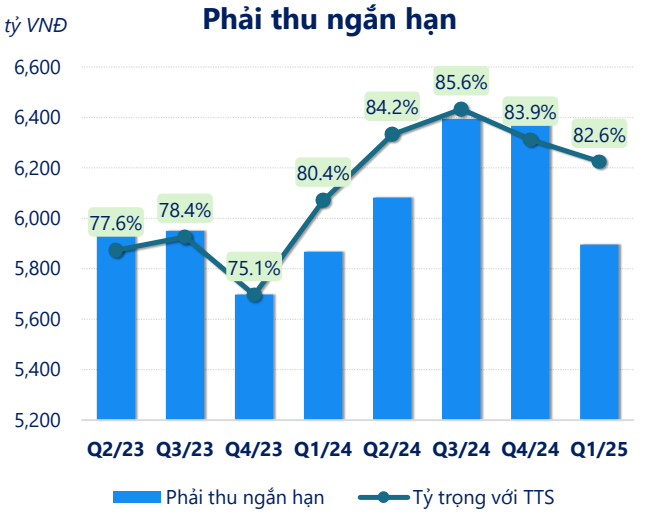

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

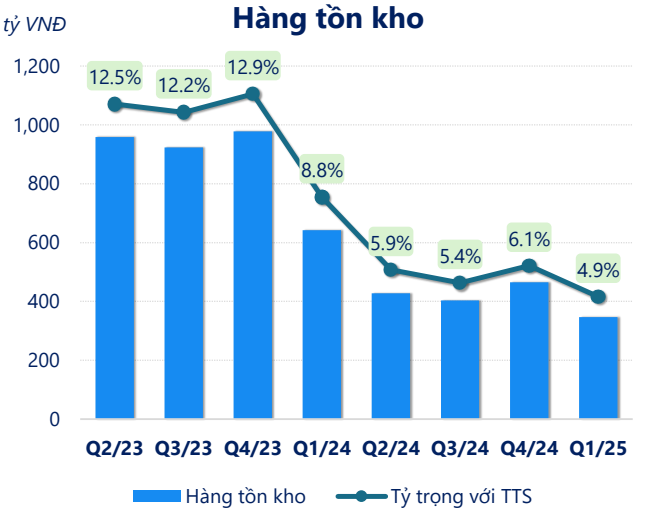

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

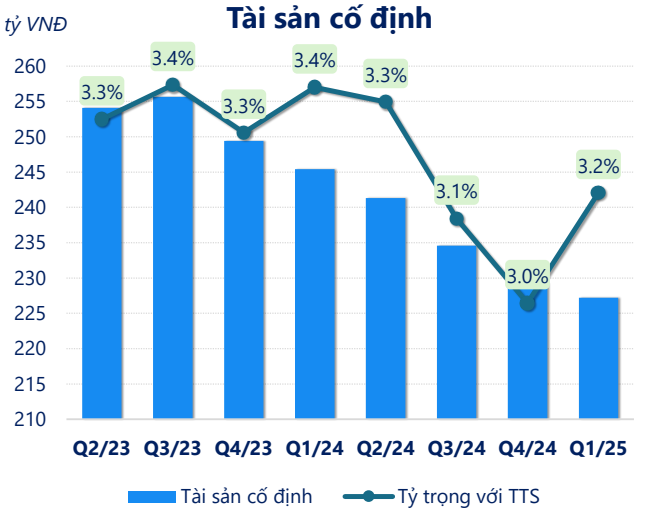

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

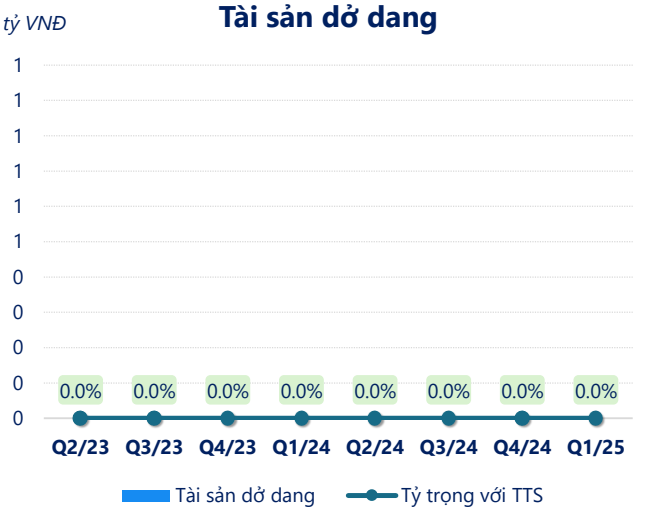

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

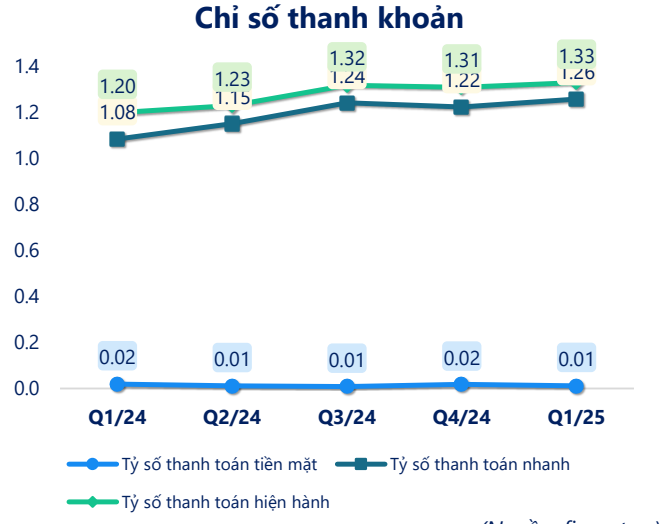

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

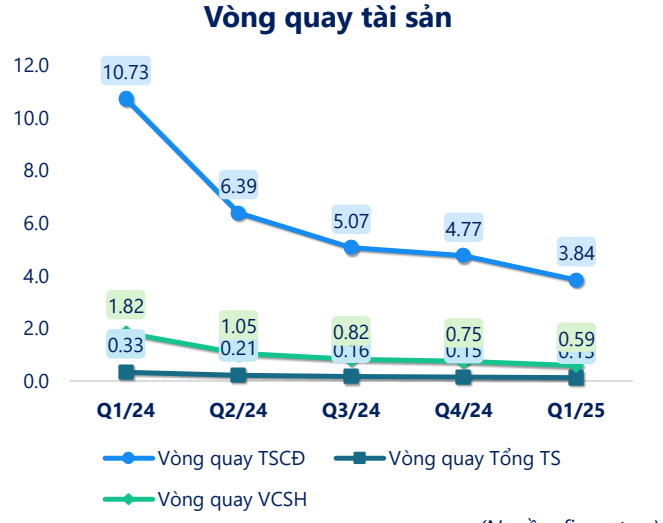

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**7,294**	**7,227**	**7,468**	**7,649**	**7,134**
Tài sản ngắn hạn	**6,724**	**6,662**	**6,932**	**7,121**	**6,427**
Tiền và tương đương tiền	107	60.1	44.1	95.4	57.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.8	18.6	18.7	40.2	40.3
Phải thu ngắn hạn	5,868	6,083	6,394	6,417	5,896
Hàng tồn kho	642	428	404	466	347
Tài sản ngắn hạn khác	86.8	72.6	71.5	103	86.4
Tài sản dài hạn	**571**	**564**	**536**	**527**	**708**
Phải thu dài hạn	29.7	28.7	28.7	28.7	146
Tài sản cố định	245	241	235	229	227
Bất động sản đầu tư	203	202	199	197	198
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	20.0	0	0	63.3
Tài sản dài hạn khác	61.9	61.8	64.3	63.6	64.9
Lợi thế thương mại	11.3	10.5	9.68	8.87	8.07
Nợ phải trả	**5,764**	**5,696**	**5,938**	**6,114**	**5,566**
Nợ ngắn hạn	**5,608**	**5,415**	**5,258**	**5,439**	**4,832**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,900	1,788	1,796	1,725	1,534
Phải trả người bán ngắn hạn	1,689	1,657	1,595	1,472	1,294
Nợ dài hạn	156	282	679	675	734
Vay và nợ thuê dài hạn	150	273	670	666	661
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,530**	**1,530**	**1,531**	**1,535**	**1,569**
Vốn chủ sở hữu	**1,530**	**1,530**	**1,531**	**1,535**	**1,569**
Vốn điều lệ	891	891	891	891	891
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)